

Số: 360 /QĐ-SGDHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 09 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của
Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-UBCK ngày 06/07/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần ra công chúng;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-HĐTV ngày 31/07/2018 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An;

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-HĐTV ngày 29/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khánh Việt về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An;

Căn cứ Biên bản làm việc số 48/BB-NY ngày 12/09/2018 giữa đại diện Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, Ban chỉ đạo CPH - Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An, Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý & Thẩm định Niêm Yết thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Ban đấu giá, các cá nhân, tổ chức tham gia bán đấu giá cổ phần ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *✓*

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo CTy Tân Khánh An;
- CTy Tân Khánh An;
- Các đại lý;
- P.TTTT (đề CBTT);
- P. CNTT, P.TCKT;
- Lưu : VT, P.NY (27). *✓*



Trần Anh Đào

**QUY CHẾ BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG CỦA CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÂN KHÁNH AN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 360/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 09 năm 2018)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với việc tổ chức bán đầu giá cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An được thực hiện qua Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp cổ phần hóa* là Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An
2. *Bán đầu giá cổ phần* là hình thức bán cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An công khai cho các đối tượng có sự cạnh tranh về giá;
3. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP);
4. *Cơ quan quyết định cổ phần hóa* là Tổng Công ty Khánh Việt;
5. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu* là Tổng Công ty Khánh Việt;
6. *Tổ chức thực hiện bán đầu giá cổ phần* là Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh;
7. *Tổ chức tư vấn bán cổ phần* là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt;
8. *Mệnh giá cổ phần* là 10.000 đồng;
9. *Giá khởi điểm* là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá;
10. *Bước giá* là khoảng cách giá giữa các lần đặt mua liên tiếp;
11. *Bước khối lượng* là khoảng cách giữa các khối lượng đặt mua liên tiếp;
12. *Giá đấu* là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đầu giá;
13. *Tiền đặt cọc* là một khoản tiền của nhà đầu tư tham gia mua cổ phần ứng trước để đảm bảo quyền mua cổ phần;
14. *Cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá* bao gồm số lượng cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:
 - a) Không có nhà đầu tư nào đăng ký mua;
 - b) Chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần;

c) Sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua;

d) Đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công khai.

15. Cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công là cuộc đấu giá thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Thông tư số 40/2018/TT-BTC), bao gồm những trường hợp sau:

a) Không có nhà đầu tư đăng ký tham gia;

b) Chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia;

c) Tất cả các nhà đầu tư không nộp phiếu tham dự đấu giá;

d) Tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

16. *Ban tổ chức đấu giá* là tổ chức do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh thành lập để thực hiện việc bán đấu giá cổ phần và các công việc liên quan theo quy định

17. *Hội đồng bán đấu giá cổ phần* là tổ chức thực hiện chỉ đạo việc bán đấu giá cổ phần bao gồm: đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa - Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An, đại diện doanh nghiệp đấu giá – Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An, đại diện Ban tổ chức đấu giá – Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh, đại diện tổ chức tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và đại diện nhà đầu tư (nếu có). Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần là Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa hoặc thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa do Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần thay mặt cho Hội đồng bán đấu giá cổ phần ký các văn bản thuộc thẩm quyền;

18. *Đại lý đấu giá* là các công ty chứng khoán tham gia vào việc tổ chức đấu giá trên cơ sở hợp đồng đại lý với Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh;

19. *Nhập lệnh tại Sở Giao dịch Chứng khoán* là việc nhập các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá trực tiếp tại trụ sở Sở Giao dịch Chứng khoán;

20. *Ngày kết thúc cuộc đấu giá* là ngày nhập xong các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư vào hệ thống và đã xác định được kết quả đấu giá.

21. *Ngày kết thúc việc bán cổ phần* là ngày cuối cùng nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban chỉ đạo cổ phần hóa

1. Gửi Đơn đăng ký bán đấu giá và các tài liệu liên quan đến cổ phần hóa cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh theo mẫu và danh mục tài liệu quy định tại

Phụ lục số 5 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC, đồng gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để thực hiện đồng thời việc đăng ký bán đấu giá bán cổ phần với đăng ký mã cổ phần, đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch số cổ phần trúng đấu giá;

2. Ký hợp đồng hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp cổ phần hóa ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ đấu giá với Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh;

3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá cổ phần khi doanh nghiệp thực hiện bán đấu giá cổ phần theo Quy chế này và các quy định hiện hành;

4. Kiểm tra, hoàn tất các thông tin liên quan đến cổ phần hóa. Thực hiện công bố, cung cấp cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp cổ phần hóa trước khi bán cổ phần theo quy định. Trường hợp Ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền cho tổ chức tư vấn bán cổ phần soạn thảo bản thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và đầy đủ của bản thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa;

5. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần công bố công khai cho nhà đầu tư và trên cổng thông tin điện tử Chính phủ thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá theo các nội dung tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này;

6. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thuyết trình về doanh nghiệp cổ phần hóa cho các nhà đầu tư (nếu cần);

7. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

8. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

9. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá công bố kết quả đấu giá cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này;

10. Tổng hợp, báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

11. Chịu trách nhiệm xử lý đối với số lượng cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá cổ phần

1. Tổ chức chỉ đạo và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá cổ phần theo quy định;

2. Kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ và phiếu tham dự đấu giá;

3. Xem xét xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm;

4. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp cổ phần hóa

1. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

2. T. 2
SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

2. Cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp (bao gồm cả phương án cổ phần hóa, dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần) cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa trước khi bán cổ phần;

3. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp và thông tin về cuộc đấu giá cổ phần chậm nhất 20 ngày làm việc trước ngày thực hiện đấu giá theo khoản 2 Điều 9 Quy chế này;

4. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

5. Lưu trữ Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần và Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư sau khi hoàn thành đợt đấu giá;

6. Thực hiện công bố công khai trên cổng thông tin điện tử Chính phủ, đồng thời gửi về Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để theo dõi theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP bao gồm:

- Lộ trình và tiến độ triển khai cổ phần hóa;
- Các thông tin về doanh nghiệp (trong đó có phương án sử dụng đất đã được phê duyệt, các diện tích đất đang có tranh chấp cần tiếp tục giải quyết - nếu có);
- Các vấn đề về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa, phương pháp định giá và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp;
- Phương án cổ phần hóa, tình hình và kết quả triển khai phương án cổ phần hóa;
- Tình hình quản lý và sử dụng đất đai;
- Phương án sắp xếp và mua cổ phần của người lao động;
- Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp), Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An có trách nhiệm đăng ký thông tin chính thức với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật về chứng khoán và hướng dẫn của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, bao gồm: thông tin về tổ chức phát hành cổ phần; thông tin về cổ phần phát hành; thông tin về danh sách tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần và số lượng cổ phần sở hữu, bao gồm cả số cổ phần đã bán cho nhà đầu tư chiến lược, tổ chức công đoàn và người lao động.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

1. Yêu cầu Ban chỉ đạo cổ phần hóa cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về cổ phần hóa theo quy định;

2. Thành lập Ban tổ chức đấu giá theo quy định;

3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

4. Xây dựng và ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phần và Quy chế bán đấu giá cổ phần;

5. Lựa chọn phương thức nhập lệnh: nhập lệnh tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh;

6. Thông báo việc đăng ký làm đại lý đấu giá cho các công ty chứng khoán trước khi thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc bán đấu giá theo quy định và trước

ngày dự kiến tổ chức đấu giá tối thiểu hai mươi hai (22) ngày làm việc. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với Đại lý đấu giá;

7. Thông báo với Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá;

8. Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này. Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cung cấp thì Tổ chức thực hiện bán đấu giá chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

9. Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này và các vấn đề khác liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần của các Đại lý đấu giá;

10. Tổng hợp, đối chiếu giữa kết quả đăng ký theo báo cáo của các Đại lý đấu giá với số lượng đăng ký trên hệ thống sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá cổ phần về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phần đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá;

11. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả đấu giá chính thức;

12. Tổ chức đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;

13. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

14. Phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa công bố kết quả đấu giá cổ phần, hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này và thu tiền mua cổ phần theo quy định;

15. Gửi kết quả đấu giá cho các Đại lý đấu giá;

16. Chuyển tiền thu từ bán cổ phần và tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm Quy chế đấu giá) theo Điều 18, Điều 22 Quy chế này;

17. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc việc bán cổ phần;

18. Thông báo với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về giá thanh toán bình quân kèm theo danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC;

19. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến đấu giá bán cổ phần.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Đại lý đấu giá

1. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần;

2. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này. Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần cung cấp thì đại lý đấu giá phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

3. Cung cấp thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá, mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần cho nhà đầu tư theo Điều 9 Quy chế này;

4. Tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần, nhận tiền đặt cọc, kiểm tra điều kiện tham gia đấu giá, nhập các thông tin đăng ký mua của các nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và phát phiếu tham dự đấu giá cho các nhà đầu tư đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Điều 10 Quy chế này. Trường hợp nhà đầu tư không đủ điều kiện tham dự đấu giá thì Đại lý đấu giá phải thông báo và hoàn trả tiền đặt cọc cho các nhà đầu tư (nếu nhà đầu tư đã đặt cọc);

5. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin nhập vào hệ thống đấu giá theo hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư;

6. Tổng hợp và báo cáo Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần kết quả đăng ký của nhà đầu tư, chuyển tiền đặt cọc và danh sách nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá (theo mẫu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần ban hành) trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký theo khoản 4 Điều 12 Quy chế này;

7. Giải thích những nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục đấu giá khi nhà đầu tư thắc mắc trong thời gian nhận phiếu tham dự đấu giá;

8. Tiếp nhận Phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư **chậm nhất 15 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2018:**

– Đại lý đấu giá có trách nhiệm chuyển hòm phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư đến Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần theo khoản 4a Điều 14 Quy chế này. Hòm đựng phiếu tham dự đấu giá phải được niêm phong trước sự chứng kiến của nhà đầu tư;

– Đại lý đấu giá chịu trách nhiệm trực tiếp với nhà đầu tư trong trường hợp Đại lý đấu giá không chuyển đủ phiếu tham dự đấu giá đến Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần theo thời gian quy định, làm thất lạc phiếu tham dự đấu giá hoặc trong những trường hợp khác do lỗi của Đại lý đấu giá.

9. Thông báo và gửi kết quả đấu giá cho các nhà đầu tư;

10. Hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần theo quy định;

11. Nhận tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư trúng đấu giá theo thời gian quy định;

12. Chuyển tiền thanh toán mua cổ phần và danh sách nhà đầu tư trúng đấu giá nộp tiền thanh toán mua cổ phần cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần;

13. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần của nhà đầu tư;

14. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về doanh nghiệp cổ phần hóa và cuộc đấu giá theo quy định;

2. Gửi Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần cho Đại lý đấu giá theo Phụ lục số 7a hoặc Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC và nhận Phiếu

tham dự đấu giá;

3. Thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư tại công ty cổ phần và các quy định pháp luật liên quan trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá mua cổ phần;

4. Nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm;

5. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định;

6. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc theo quy định;

7. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua cổ phần trúng đấu giá;

8. Tuân thủ các nội dung tại Quy chế đấu giá này.

Điều 9. Công bố thông tin

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa và Đại lý đấu giá thông báo về việc bán đấu giá theo Phụ lục số 6 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC (bao gồm cả bản Tiếng Anh) chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá. Việc thông báo được thực hiện trên các phương tiện sau đây:

a) Ba (03) số liên tiếp của các báo: Báo Lao động và Báo Nghệ An;

b) Website của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Doanh nghiệp cổ phần hóa, Tổ chức tư vấn, và các Đại lý đấu giá;

http://www.hsx.vn;	http://www.tankhanhan.khatoco.com;	http://www.dag.vn;
http://www.bvsc.com.vn;	http://www.acbs.com.vn;	http://www.phs.vn
http://www.bmsc.com.vn	http://www.aseansc.com.vn;	http://www.ibsc.vn;
http://www.vdsc.com.vn	http://www.vcsc.com.vn	http://www.shs.com.vn
http://www.sbsc.com.vn;	http://www.tvsi.com.vn;	https://www.hsc.com.vn
http://www.kbsec.com.vn	https://www.tvsi.com.vn	http://www.kisvn.vn;
http://www.eves.com.vn;	http://www.vndirect.com.vn;	http://www.abs.vn;
http://www.vn-cs.com;	http://www.maybank-kimeng.com.vn;	https://www.cts.vn;

c) Cổng thông tin điện tử Chính phủ: <http://doimoidoanhnhiep.chinhphu.vn/>;

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa, Đại lý đấu giá công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hóa và đợt đấu giá chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc trước ngày thực hiện đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hóa theo Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC. Trường hợp bán đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán, bản thông tin liên quan đến doanh nghiệp bao gồm cả bản Tiếng Anh;

- Phương án cổ phần hóa;

- Dự thảo điều lệ của công ty cổ phần;

- Mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần theo Phụ lục số 7a, 7b kèm theo Thông

tư số 40/2018/TT-BTC (bao gồm cả bản Tiếng Anh);

- Quy chế bán đấu giá cổ phần của doanh nghiệp;
- Các thông tin liên quan khác đến cuộc đấu giá theo quy định.

b) Địa điểm công bố thông tin

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

+ Địa chỉ: Số 16 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh;

+ Website: <http://www.hsx.vn>;

- Cơ quan đại diện Chủ sở hữu: Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH Một thành viên;

+ Địa chỉ: 84 Hùng Vương, P. Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;

+ Website: <https://www.khatoco.com>.

- Doanh nghiệp cổ phần hóa: Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An;

+ Địa chỉ: Đường D2 – Khu công nghiệp Bắc Vinh, xã Hưng Đông Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

+ Website: <http://www.tankhanhan.khatoco.com>;

- Các Đại lý đấu giá nhận đăng ký nêu chi tiết tại Phụ lục số 05 Quy chế này.

Điều 10. Đối tượng tham gia đấu giá

1. Đối tượng tham gia đấu giá cổ phần bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với nhà đầu tư trong nước

- Đối với nhà đầu tư cá nhân: Là công dân Việt Nam, có địa chỉ liên hệ, Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự;

- Đối với nhà đầu tư tổ chức: Là tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ.

b) Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với tổ chức và cá nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau:

- Mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần phải thông qua tài khoản này;

- Có Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (bản sao có xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký);

- Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp.

c) Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức

tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

2. Những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, bao gồm các đối tượng sau:

a) Thành viên Ban chi đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, Tổ giúp việc cổ phần hóa doanh nghiệp (trừ các thành viên là đại diện doanh nghiệp);

b) Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn cổ phần hóa, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh);

c) Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

d) Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;

đ) Người có liên quan theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2014 của tổ chức và cá nhân quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này.

Điều 11. Các thông tin cơ bản về phương án bán cổ phần

Ban chi đạo cổ phần hóa phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần xác định:

1. Số lượng cổ phần chào bán: **2.919.600 (Hai triệu chín trăm mười chín ngàn sáu trăm) cổ phần;**

2. Loại cổ phần chào bán: **cổ phần phổ thông;**

3. Mệnh giá: **10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phần;**

4. Giá khởi điểm: **15.500 (Mười lăm ngàn năm trăm) đồng/cổ phần;**

5. Bước giá: **100 (Một trăm) đồng;**

6. Bước khối lượng: **100 (Một trăm) cổ phần;**

7. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: **100 cổ phần** và phải đăng ký theo bội số của 100 cổ phần;

8. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa đối với tổ chức và cá nhân trong nước là **2.919.600 cổ phần;**

9. Số lượng cổ phần tối đa đối với tổ chức và cá nhân nước ngoài là **1.862.000 cổ phần;**

Tổng số lượng cổ phần các nhà đầu tư nước ngoài được phép mua là: **1.862.000 cổ phần.;**

10. Số mức giá: **01 (Một).**

Mỗi nhà đầu tư được phát một Phiếu đấu giá và chỉ được ghi tối đa một (01) mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá; Mức giá đặt mua phải là bội số của 100 đồng; Khối lượng đặt mua tối thiểu là 100 cổ phần và đặt theo bội số của 100 cổ phần; giá đặt mua phải theo bội số của 100 đồng; **Tổng khối lượng đặt mua của mức giá đúng bằng số cổ phần đã đăng ký.**

Điều 12. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc

1. Nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần

Nhà đầu tư nhận hoặc in mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần tại các địa điểm và địa chỉ website nêu tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

2. Nộp tiền đặt cọc

a) Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của Đại lý đấu giá **trước 16 giờ ngày 05 tháng 10 năm 2018;**

b) Tiền đặt cọc không được hưởng lãi.

3. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình các giấy tờ sau:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước:

- Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo mẫu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quy chế này, được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan công chứng, chứng thực có thẩm quyền, kèm theo xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền.

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương;

- Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục kèm theo bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nhận ủy quyền, trừ trường hợp người làm thủ tục là người đại diện theo pháp luật của tổ chức;

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

c) Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước phải xuất trình:

- Giấy xác nhận mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối;

- Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và đặt cọc

a) Thời gian làm thủ tục đăng ký và đặt cọc: **Từ 08 giờ ngày 19 tháng 09 năm 2018 đến 16 giờ ngày 05 tháng 10 năm 2018;**

b) Địa điểm làm thủ tục đăng ký, đặt cọc: Đại lý đấu giá chi tiết tại Phụ lục số 05 Quy chế này;

c) Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá.

5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá gửi Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký

mua theo Phụ lục số 03 kèm theo Quy chế này.

Điều 13. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

1. Nhà đầu tư điền khối lượng, mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do Đại lý đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xoá hoặc rách nát; giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm; tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại lý đấu giá: **Chậm nhất 15 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2018;**

- Gửi bằng phương thức bảo đảm đến Đại lý đấu giá: **Chậm nhất 15 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2018;**

- Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Đại lý đấu giá ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

2. Trường hợp Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xoá, nhà đầu tư phải yêu cầu Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

3. Trường hợp mất Phiếu tham dự đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn theo mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Quy chế này đề nghị Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần cấp lại Phiếu tham dự đấu giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 14. Địa điểm và thời gian tổ chức cuộc đấu giá

1. Địa điểm tổ chức đấu giá: **Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 16, đường Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.**

2. Thời gian tổ chức đấu giá: **09 giờ 00 ngày 15 tháng 10 năm 2018.**

3. Các Đại lý đấu giá có trách nhiệm kết thúc nhận Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư trước **15 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2018.**

4. **Trường hợp nhập lệnh tại Sở Giao dịch Chứng khoán:** Đại lý đấu giá chuyển hòm Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư về Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trước thời gian tổ chức đấu giá ít nhất 01 giờ. Trường hợp tổ chức đấu giá tại hai Sở giao dịch chứng khoán thì phải nêu rõ danh sách đại lý đấu giá chuyển hòm phiếu tới từng Sở giao dịch chứng khoán cụ thể.

Điều 15. Xem xét các điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần sẽ kiểm tra và xác định rõ:

a) Danh sách các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá;

b) Số lượng phiếu tham dự đấu giá;

2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất hai (02) nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 16. Thực hiện đấu giá

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm phiếu tham dự đấu giá, Trường Ban tổ chức đấu

giá hoặc người được uỷ quyền công bố những thông tin chủ yếu như:

a) Tên doanh nghiệp cổ phần hóa, vốn điều lệ dự kiến, tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần bán đấu giá công khai, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua;

b) Số lượng đại lý đấu giá tham gia và số hòm phiếu nhận được;

c) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định quyền mua cổ phần theo giá đấu giá;

d) Giải thích về những vấn đề mà nhà đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

2. Nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá

Đến thời điểm đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá cổ phần hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá cổ phần;

3. Xác định kết quả đấu giá

Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

a) Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm. Giá bán là giá đấu thành công của từng nhà đầu tư, theo đó nhà đầu tư trúng ở mức giá nào thì mua cổ phần ở mức giá đó.

b) Tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, trường hợp các nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng thầu thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số cổ phần} \\ \text{n nhà đầu tư} \\ \text{được mua} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số cổ phần còn lại} \\ \text{chào bán} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng} \\ \text{ký mua} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư} \\ \text{đăng ký mua} \end{array}}$$

c) Trường hợp phát sinh cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

d) Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Biên bản xác định kết quả đấu giá

Kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá, đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa, đại diện doanh nghiệp cổ phần hóa, đại diện Hội đồng bán đấu giá cổ phần và đại diện Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần lập và đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 17. Thông báo kết quả đấu giá cho nhà đầu tư

1. Trong thời gian tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản xác định kết quả đấu giá, Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp công bố kết quả đấu giá cổ phần trên các website của doanh nghiệp cổ phần hóa, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Đại lý đấu giá, Tổ chức tư vấn bán cổ phần (nếu có).

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư cho các Đại lý đấu giá trong vòng một (01) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

3. Nhà đầu tư nhận kết quả trực tiếp tại Đại lý đấu giá trong vòng bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá. Trường hợp nhà đầu tư không nhận kết quả tại Đại lý đấu giá, Đại lý đấu giá có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư theo đường bưu điện ngay trong ngày làm việc tiếp theo (ngày làm việc thứ 05 kể từ ngày công bố kết quả đấu giá).

Điều 18. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Đại lý đấu giá cung cấp, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn từ ngày **16/10/2018 đến ngày 25/10/2018**.

2. Nhà đầu tư được bù trừ tiền thanh toán mua cổ phần và tiền đặt cọc theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần

a) Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp vào tài khoản của Đại lý đấu giá.

b) Đại lý đấu giá có trách nhiệm gửi báo cáo và danh sách nộp tiền mua cổ phần của nhà đầu tư đồng thời chuyển tiền mua cổ phần của nhà đầu tư về Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần sau hai (02) ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn thanh toán mua cổ phần:

- Tài khoản số **0600.050.654.80** của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Sở giao dịch TP.Hồ Chí Minh
- Tài khoản số **119.10.00.006698.1** của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- Tài khoản số **007.100.0706011** của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- TP.Hồ Chí Minh

c) Sở GDCK TP.Hồ Chí Minh có trách nhiệm tổng hợp và chuyển toàn bộ tiền mua cổ phần về tài khoản của doanh nghiệp cổ phần hóa và Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

d) Trường hợp Đại lý đấu giá chậm chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần theo quy định thì phải trả lãi cho bên bị chậm trả theo ngày trên số tiền chậm chuyển theo mức lãi suất tại Ngân hàng nơi Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần mở tài khoản áp dụng trong trường hợp các bên liên quan không có thỏa thuận khác.

đ) Trường hợp Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần chậm chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần theo quy định thì phải trả lãi theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Điều 19. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu



tư không được nhận lại tiền đặt cọc:

- a) Không nộp Phiếu tham dự đấu giá;
- b) Phiếu tham dự đấu giá không hợp lệ theo khoản 1 Điều 13 của Quy chế này;
- c) Không ghi giá và/hoặc khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;
- d) Đăng ký nhưng không đặt mua (toàn bộ hoặc một phần), nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần không đặt mua;
- đ) Không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá, nhà đầu tư sẽ không được nhận lại số tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần, số cổ phần trúng đấu giá của nhà đầu tư sẽ được Hội đồng bán đấu giá cổ phần xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

2. Hội đồng bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm xem xét, xử lý các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 20. Xử lý số cổ phần chưa bán hết trong cuộc đấu giá công khai

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định được số cổ phần không bán hết, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An để xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và khoản 3 Điều 9 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 21. Xử lý trường hợp cuộc đấu giá bán không thành công

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An, Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An về cuộc đấu giá không thành công để xử lý theo quy định.

Điều 22. Xử lý tiền đặt cọc

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm thanh toán hoàn trả tiền đặt cọc của nhà đầu tư có tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần cho các đại lý đấu giá trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá cổ phần (**từ ngày 16/10/2018 đến ngày 18/10/2018**).

2. Đại lý đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền đặt cọc cho nhà đầu tư có tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá cổ phần, (**từ ngày 19/10/2018 đến ngày 22/10/2018**).

3. Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được bù trừ vào tổng số tiền thanh toán mua cổ phần. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Đại lý đấu giá trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trong trường hợp muốn từ chối mua cổ phần.

4. Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn trả do nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo khoản 1 Điều 19 Quy chế này, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần chuyển tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Điều 23. Các quy định khác

1. Mọi thắc mắc của nhà đầu tư (nếu có) về trình tự, thủ tục đấu giá phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Ban tổ chức đấu giá không chịu trách nhiệm

đối với các thắc mắc của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Đại lý đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa cung cấp.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *AL*



**TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT
CÔNG TY TNHH MTV TÂN KHÁNH AN**

Số 23 /TKA

V/v Báo cáo tiến độ, lộ trình cổ phần hóa
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 24 tháng 09 năm 2018

Kính gửi: - Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;
- Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An.

Căn cứ Khoản 1 điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Thực hiện Quyết định số 158/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Tân Khánh An.

Công ty TNHH MTV Tân Khánh An xin báo cáo tới Quý cơ quan tiến độ và lộ trình cổ phần hóa như sau:

I. Tiến độ cổ phần hóa.

Đến nay tiến độ cổ phần hóa tại Công ty TNHH MTV Tân Khánh An đã hoàn thành các bước sau:

1. Ngày 29/12/2017, Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt ban hành Quyết định số 159/QĐ-HĐTV về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Tân Khánh An;

2. Ngày 04/01/2018, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An ban hành Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPII về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An;

3. Ngày 13/06/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ra văn bản số 4163/UBND-TM về việc thống nhất phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An khi chuyển sang công ty cổ phần;

4. Ngày 25/7/2018, Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt phê duyệt phương án sử dụng lao động và giải quyết chế độ lao động dôi dư khi cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An;

5. Ngày 31/07/2018, Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt ban hành Quyết định số 103/QĐ-HĐTV về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An;

6. Ngày 29/08/2018, Hội đồng thành viên Tổng công ty Khánh Việt ban hành Quyết định số 111/QĐ-HĐTV về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An;



7. Ngày 12/09/2018, thống nhất kế hoạch tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH Một thành viên Tân Khánh An với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

8. Ngày 17/09/2018, thực hiện công bố thông tin về cuộc bán đấu giá cổ phần lần đầu trên 03 số báo liên tiếp của 01 số báo Trung ương (Báo Lao động) và 01 tờ báo Địa phương (báo Nghệ An).

9. Đã nộp hồ sơ đăng ký Chứng khoán với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, và đăng ký giao dịch Upcom với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định.

II. Lộ trình tiếp theo.

1. Ngày 15/10/2018, Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An, và thu tiền theo kết quả đấu giá đến 25/10/2018;

2. Tổ chức bán cổ phần cho Người lao động: Dự kiến trong tháng 10/2018;

3. Xử lý số cổ phần không bán hết (nếu có): Dự kiến trong tháng 11/2018;

4. Tổ chức Đại hội cổ đông: Dự kiến trong tháng 12/2018.

5. Quyết toán bàn giao sang công ty cổ phần: Dự kiến tháng 12/2018.

6. Hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom: Dự kiến trong tháng 12/2018;

Trên đây là báo cáo tiến độ cổ phần hóa và lộ trình triển khai các công việc tiếp theo của Công ty. Công ty TNHH MTV Tân Khánh An xin trân trọng báo cáo tới các Quý Cơ quan được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu VT.



Số: 695/18/CT.SACC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MTV TÂN KHÁNH AN

Tại thời điểm 31/12/2017

Pháp lý thẩm định giá:

- Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH MTV do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần.
- Căn cứ Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.
- Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/5/2017 và áp dụng từ năm tài chính 2016.
- Văn bản hợp nhất 19/VBHN-BTC ngày 20/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 01, 02, 03 và 04.
- Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/03/2015 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06 và 07.
- Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/08/2015 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08, 09 và 10.
- Thông tư số 145/2016/TT-BTC ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn Thẩm định giá Việt Nam số 11.
- Thông tư số 122/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn Thẩm định giá Việt Nam số 12.



- Thông tư số 06/2014/TT-BTC ngày 07/01/2014 của Bộ Tài chính về việc ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá số 13.
- Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/03/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá về thẩm định giá.
- Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính Phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp.
- Quyết định số 158/QĐ-HĐTV ngày 29/12/2017 của Tổng Công ty Khánh Việt về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An.
- Quyết định số 159/QĐ-HĐTV ngày 29/12/2017 của Tổng Công ty Khánh Việt về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An.
- Quyết định số 01/QĐ-BCĐCPH ngày 04/01/2018 của Tổng Công ty Khánh Việt về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Tân Khánh An.
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán các năm 2013, 2014, 2015, 2016 và 2017 đã kiểm toán của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An.
- Căn cứ Hợp đồng Tư vấn - Dịch vụ thẩm định giá số 81/SACC-TVDV-PN ngày 05/03/2018 giữa Công ty Cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam và Công ty TNHH MTV Tân Khánh An.
- Các văn bản hiện hành khác.

THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Đại diện tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp - Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam:

Ông Hồ Đắc Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Hiền	P. Tổng Giám đốc, Thẩm định viên

2. Đại diện Doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa – Công ty TNHH MTV Tân Khánh An:

Ông Phạm Văn Bình	Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Mão	Kế toán trưởng

PHẦN I: XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG PHÁP TÀI SẢN:**❖ KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG PHÁP TÀI SẢN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017:****DVT: Đồng**

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4=3-2)
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG	88.904.998.488	109.522.895.480	20.617.896.992
I. TSCĐ và Đầu tư dài hạn	14.068.875.825	31.594.748.953	17.525.873.128
1. Tài sản cố định	14.068.875.825	31.594.748.953	17.525.873.128
a. Tài sản cố định hữu hình	14.068.875.825	31.594.748.953	17.525.873.128
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.849.744.445	15.682.099.950	10.832.355.505
- Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	9.219.131.380	15.912.649.003	6.693.517.623
b. TSCĐ vô hình	-	-	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí XDCB dở dang	-	-	-
4. Bất động sản đầu tư	-	-	-
5. Tài sản dài hạn khác	-	-	-
6. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	-	-
7. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	74.836.122.663	75.033.758.516	197.635.853
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.111.021.838	8.111.021.838	-
a. Tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng	8.111.021.838	8.111.021.838	-
b. Các khoản tương đương tiền	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	43.959.272.842	43.959.272.842	-
4. Vật tư, hàng hóa tồn kho	22.470.185.456	22.470.185.456	-
5. TSNH khác	295.642.527	493.278.380	197.635.853
6. Chi phí sự nghiệp	-	-	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	2.894.388.011	2.894.388.011
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG			-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ			-
I. TSCĐ và Đầu tư dài hạn			-
1. Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	-	-	-

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4=3-2)
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn			-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI	132.891.590	132.891.590	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A + B + C + D)	89.037.890.078	109.655.787.070	20.617.896.992
<i>Trong đó:</i>			-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (A)	88.904.998.488	109.522.895.480	20.617.896.992
E1. Nợ thực tế phải trả	51.037.890.078	51.037.890.078	-
<i>Trong đó:</i>			
E1a. Nợ phải trả	37.797.713.506	37.797.713.506	-
E1b. Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.107.284.982	13.107.284.982	-
E1c. Quỹ Phúc lợi đã hình thành TSCĐ	132.891.590	132.891.590	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A- (E1a+E1b+E2)]	38.000.000.000	58.617.896.992	20.617.896.992

Nguồn: Tính toán SACC

❖ PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ NGUYÊN NHÂN TĂNG GIẢM:

A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG:

I. Tài sản cố định:

1. Tài sản cố định hữu hình:

Đánh giá lại tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên tài sản	Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
01	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.849.744.445	15.682.099.950	10.832.355.505
02	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	9.219.131.380	15.912.649.003	6.693.517.623
	Tổng cộng	14.068.875.825	31.594.748.953	17.525.873.128

Sau khi định giá tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, khoản mục này làm tăng giá trị của doanh nghiệp lên **17.525.873.128 đồng** (Chi tiết xem Phụ lục 01, 02 đính kèm)

➤ Phương pháp tính:

Theo hướng dẫn tại Khoản 1 và 2, Điều 10 của Thông tư 41/2018/TT-BTC:

"1. Giá trị thực tế từng tài sản của doanh nghiệp được xác định bằng đồng Việt Nam theo danh Mục từng tài sản theo dõi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp.

2. Đối với tài sản là hiện vật:

a. Chỉ đánh giá lại những tài sản mà công ty cổ phần tiếp tục sử dụng.

b. Giá trị thực tế của tài sản bằng (=) Nguyên giá tính theo giá thị trường tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp nhân (x) Chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Trong đó:

- Giá thị trường là:

+ Giá tài sản mới cùng loại đang mua, bán trên thị trường bao gồm cả chi phí vận chuyển lắp đặt (nếu có). Nếu là tài sản đặc thù không có trên thị trường thì giá mua tài sản được tính theo giá mua mới của tài sản tương đương, cùng nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương. Trường hợp không có tài sản tương đương thì tính theo giá tài sản ghi trên sổ kế toán (bao gồm cả tài sản đã được đầu tư, mua sắm bằng ngoại tệ).

+ Đối với tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc: Giá thị trường là đơn giá xây dựng cơ bản, suất đầu tư do cơ quan có thẩm quyền quy định tại thời điểm gần nhất với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Trường hợp chưa có quy định thì tính theo giá sổ sách, có xét thêm yếu tố trượt giá trong xây dựng cơ bản.

Đối với các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc mới hoàn thành đầu tư xây dựng trong ba (03) năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thì sử dụng giá trị quyết toán công trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp cá biệt, công trình chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng đã đưa vào sử dụng thì tạm tính theo giá ghi trên sổ kế toán.

- Chất lượng còn lại của tài sản được xác định bằng tỷ lệ phần trăm so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới hoặc đầu tư xây dựng mới, phù hợp với các quy định của Nhà nước về điều

kiện an toàn trong sử dụng, vận hành tài sản; đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất; vệ sinh môi trường theo hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành kinh tế kỹ thuật. Nếu chưa có quy định của Nhà nước thì chất lượng tài sản xác định như sau:

+ Đối với tài sản là máy móc thiết bị; phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn; thiết bị dụng cụ quản lý và các loại tài sản cố định khác được đánh giá lại theo thực tế nhưng không thấp hơn 20% so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới;

+ Đối với tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc không thấp hơn 30% so với chất lượng của tài sản cùng loại đầu tư xây dựng mới.

c) Tài sản cố định đã khấu hao thu hồi đủ vốn; công cụ lao động, dụng cụ quản lý đã phân bổ hết giá trị vào chi phí kinh doanh nhưng công ty cổ phần tiếp tục sử dụng phải đánh giá lại để tính vào giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc không thấp hơn 20% giá trị tài sản, công cụ, dụng cụ mua mới."

❖ **Đối với nhà cửa, vật kiến trúc:**

– Nguyên giá xây dựng mới = Đơn giá xây dựng x tổng diện tích sàn xây dựng.

Trong đó:

+ Đơn giá xây dựng: Căn cứ vào quyết định 76/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

+ Diện tích sàn xây dựng: Căn cứ vào các bản vẽ hoàn công do Công ty TNHH MTV Tân Khánh An cung cấp.

+ Đối với các công trình mới đầu tư xây dựng trong 3 năm trở lại tính đến thời điểm cổ phần hóa, SACC tính theo nguyên giá sổ sách kế toán.

– Tỷ lệ % chất lượng còn lại SACC căn cứ vào thông tư 45/2013/TT-BTC, ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản chỉnh sửa thông tư. Đồng thời thẩm định hiện trạng thực tế tài sản, và tham khảo ý kiến cán bộ kỹ thuật ghi nhận khu xưởng này thường xuyên ngập nước, do vậy SACC đề xuất thời gian sử dụng đối với nhà văn phòng là 25 năm; Nhà kho, xưởng, căn tin, vệ sinh là 20 năm; Sân nền, tường rào là 15 năm để tính toán tỷ lệ chất lượng còn lại nhưng không thấp hơn 30% so với chất lượng của tài sản cùng loại đầu tư xây dựng mới.

– Giá trị xác định lại = Nguyên giá xây dựng mới x % tỷ lệ chất lượng còn lại.

Đối với những tài sản có giá trị xác định lại thấp hơn giá trị sổ sách kế toán, SACC sẽ giữ nguyên theo giá trị theo sổ sách kế toán.

❖ **Đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải:**

– Về nguyên giá máy móc thiết bị và phương tiện vận tải được xác định lại theo giá thị trường gần thời điểm định giá. Nếu là tài sản đặc thù không có lưu thông trên thị trường thì tính theo giá mua của những tài sản cùng loại, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương. Trường hợp không có tài sản tương đương thì tính theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán.

– Tỷ lệ % chất lượng còn lại SACC căn cứ vào thông tư 45/2013/TT-BTC, ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các văn bản chỉnh sửa thông tư. Đồng thời thẩm định hiện trạng thực tế tài sản, và tham khảo ý kiến cán bộ kỹ thuật ghi nhận các máy móc này đều hoạt động liên tục 3 ca/1 ngày nên tuổi thọ máy móc sẽ giảm so với bình thường, do vậy SACC đề xuất thời gian sử dụng đối với máy nhập khẩu là 10 năm, đối với

máy sản xuất trong nước là 7 năm, đối với phương tiện vận tải là 10 năm để tính tỷ lệ chất lượng còn lại nhưng không thấp hơn 20% so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới.

– Giá trị xác định lại = Nguyên giá xây dựng mới x % tỷ lệ chất lượng còn lại.

Đối với những tài sản có giá trị xác định lại thấp hơn giá trị sổ sách kế toán, SACC sẽ giữ nguyên theo giá trị theo sổ sách kế toán.

Nguyên nhân chênh lệch giá trị:

Do đánh giá lại tài sản cố định theo quy định tại thời điểm 31/12/2017, do đó nguyên giá đầu tư xây dựng mới sẽ cao hơn nhiều so với thời điểm lúc xây dựng, đồng thời có những tài sản còn đang sử dụng đã hết khấu hao trong sổ sách kế toán nhưng khi xác định giá trị còn lại không được thấp hơn 30% đối với công trình xây dựng mới và 20% đối với máy móc, phương tiện vận tải mua mới.

II. Tài sản ngắn hạn:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Số liệu sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	TIỀN	8.111.021.838	8.111.021.838	0
I	Tiền mặt	314.663.326	314.663.326	0
II	Tiền gửi Ngân hàng	7.796.358.512	7.796.358.512	0
01	Ngân hàng Vietinbank CN Nghệ An (TK 115000055492)	819.191.096	819.191.096	0
02	Ngân hàng Vietcombank CN Nghệ An (TK 0101000575119)	3.227.891.977	3.227.891.977	0
03	Ngân hàng Agribank CN Nghệ An (TK 3600201001952)	175.459.603	175.459.603	0
04	Ngân hàng BIDV CN Thành Vinh (TK 51810000128668)	3.573.815.836	3.573.815.836	0
B	CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	0	0	0
	TỔNG CỘNG	8.111.021.838	8.111.021.838	0

Sau khi định giá lại các khoản Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản mục này không làm tăng/giảm giá trị của doanh nghiệp (Chi tiết phụ lục 3 đính kèm).

➤ Phương pháp tính

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư 41/2018/TT-BTC “Tài sản bằng tiền gồm tiền mặt, tiền gửi và các giấy tờ có giá (tín phiếu, trái phiếu,...) của doanh nghiệp được xác định như sau: a) Tiền mặt được xác định theo biên bản kiểm quỹ; b) Tiền gửi được xác định theo sổ dư đã đối chiếu xác nhận với ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản; c) Các giấy tờ có giá được xác định theo giá giao dịch trên thị trường. Nếu không có giao dịch thì xác định theo mệnh giá của giấy tờ đó”.

Căn cứ hồ sơ, biên bản kiểm kê tiền mặt, bảng xác nhận sổ dư sổ dư của Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An cung cấp, SACC đã thực hiện đối chiếu, xác nhận với tỷ lệ đã đối chiếu là 100%.

2. Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Số liệu sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	PHẢI THU NGẮN HẠN	43.959.272.842	43.959.272.842	0
I	Phải thu ngắn hạn khách hàng	43.497.253.695	43.497.253.695	0
II	Trả trước cho người bán ngắn hạn	57.017.000	57.017.000	0
III	Phải thu ngắn hạn khác	405.002.147	405.002.147	0
B	PHẢI THU DÀI HẠN	0	0	0
	TỔNG CỘNG	43.959.272.842	43.959.272.842	0

Sau khi định giá các khoản Các khoản phải thu, các khoản mục này không làm tăng/giảm giá trị của doanh nghiệp (Chi tiết phụ lục 04 đính kèm).

➤ Phương pháp tính

Theo quy định tại điều 15 Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

“1. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải thu (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn; đối với các tổ chức tín dụng phải đối chiếu, xác nhận cả các khoản nợ phải thu ngoại bảng), đồng thời thực hiện thu hồi các khoản nợ đến hạn trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

Những khoản nợ không có đủ hồ sơ pháp lý chứng minh khách nợ còn nợ hoặc không có khả năng thu hồi theo quy định thì không được loại trừ ra ngoài giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp phải làm rõ nguyên nhân để xử lý theo nguyên tắc sau:

a) Xác định trách nhiệm xử lý bồi thường của tập thể, cá nhân có liên quan đến khoản nợ phải thu không xác định được khách nợ, phần tổn thất còn lại được xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng.

b) Hoàn thiện hồ sơ, tiếp tục theo dõi để xử lý thu hồi đối với những khoản nợ không chứng minh được là không có khả năng thu hồi.

2. Trường hợp đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa mà vẫn còn một số khoản nợ phải thu có đầy đủ hồ sơ nhưng chưa được đối chiếu, xác nhận thì Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên doanh nghiệp cổ phần hóa phải giải trình rõ nội dung các khoản nợ, xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan phải hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định theo giá trị đang theo dõi trên sổ sách kế toán; đồng thời phải công bố công khai trong quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp cũng như phương án cổ phần hóa làm cơ sở bán đấu giá cổ phần.

Tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, khi lập báo cáo tài chính để bàn giao sang công ty cổ phần, các khoản nợ đã làm thủ tục đối chiếu nhưng vẫn chưa đối chiếu được thì phải xem xét, xử lý trách nhiệm bồi thường đối với tập thể, cá nhân có liên quan. Giá trị khoản nợ còn lại (sau khi bù trừ khoản bồi thường của các cá

nhân, tập thể, dự phòng các khoản phải thu khó đòi - nếu có) được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa và thực hiện chuyển giao hồ sơ cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bàn giao các khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa (bao gồm cả các khoản nợ khó đòi đã được xử lý bằng nguồn dự phòng trong vòng 05 năm liền kể trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) kèm theo đầy đủ hồ sơ, các tài liệu liên quan cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các khoản đã trả trước cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ (như tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền công phải trả, tiền mua bảo hiểm dài hạn, tiền thuê đất của khu công nghiệp đã trả tiền một lần cho cả thời gian thuê) đã được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp đối chiếu với hợp đồng, khối lượng hàng hóa dịch vụ cung cấp để hạch toán giảm chi phí (tương ứng với phần hàng hóa, dịch vụ chưa được cung cấp hoặc thời gian thuê chưa thực hiện) và hạch toán tăng khoản chi phí trả trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa."

Căn cứ hồ sơ, biên bản đối chiếu công nợ của các khoản nợ phải thu ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An đến thời điểm lập Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, SACC đã thực hiện đối chiếu, xác nhận với tỷ lệ đã đối chiếu công nợ là 100%.

Chi tiết tình hình công nợ của công ty như sau:

– Tổng nợ phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2017: 43.497.253.695 đ

Trong đó:

- + Chưa đến hạn: 22.013.232.144 đ
- + Nợ đến hạn: 6.964.308.915 đ
- + Nợ quá hạn theo hợp đồng: 14.519.712.636 đ

Trong đó:

- Quá hạn dưới sáu tháng: 13.645.632.341 đ
- Quá hạn từ sáu tháng đến một năm: 66.885.030 đ
- Quá hạn từ một đến hai năm: 545.160.000 đ
- Quá hạn từ hai đến ba năm: 262.305.265 đ

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng COSEVCO I số nợ đến 31/12/2017 là 807.465.265 đ đã quá hạn từ 1-3 năm. Đơn vị đang hoạt động nhưng tài chính rất khó khăn và cam kết từ tháng 06/2017 mỗi tháng trả 30 triệu đồng công ty đã làm việc trực tiếp và gửi công văn nhiều lần nhưng việc trả nợ thất thường, không đúng cam kết.

Công ty TNHH Long Vũ nợ tiền vô bao số tiền 288.339.730 đ quá hạn trên sáu tháng. Công ty quy mô nhỏ đang hoạt động nhưng tài chính khó khăn, khả năng thu hồi chậm.

3. Hàng tồn kho:

Khoản mục	Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
Hàng tồn kho	22.470.185.456	22.470.185.456	-

Sau khi định giá lại Hàng tồn kho, các khoản mục này không làm tăng/giảm giá trị của doanh nghiệp (Chi tiết phụ lục 05 đính kèm).

➤ **Phương pháp tính:**

Hàng tồn kho (nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, hàng hóa tồn kho) được lấy theo biên bản kiểm kê hàng tồn kho, phù hợp với báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 và được đánh giá lại theo giá trị sổ sách kế toán đã được kiểm toán.

Do tính chất luân chuyển và biến động của loại tài sản này nên Đơn vị tư vấn xác định giá trị dựa trên số liệu sổ sách kế toán của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An tại thời điểm xác định giá theo tài liệu cung cấp của Công ty.

4. Tài sản ngắn hạn khác:

Stt	Khoản mục	Giá trị sổ sách	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
01	Thuế GTGT được khấu trừ	221.833.218	221.833.218	0
02	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	73.809.309	73.809.309	0
03	Công cụ dụng cụ	0	197.635.853	197.635.853
	Tổng cộng	295.642.527	493.278.380	197.635.853

Sau khi định giá lại Hàng tồn kho, các khoản mục này làm tăng giá trị của doanh nghiệp lên **197.635.853 đồng** (Chi tiết phụ lục 06 đính kèm).

➤ **Phương pháp tính:**

Các tài sản ngắn hạn khác được đánh giá lại theo giá trị trên sổ sách kế toán, phù hợp với báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017. Riêng đối với các chi phí trả trước ngắn hạn là công cụ dụng cụ hiện đang sử dụng dù đã phân bổ hay chưa phân bổ hết vào chi phí đều được đánh giá lại theo tỷ lệ chất lượng còn lại thực tế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 10 Thông tư số 41/2018/TT-BTC, đối với tài sản là hiện vật: "*Giá trị xác định lại của tài sản bằng (=) Nguyên giá tính theo giá thị trường tại thời điểm Tổ chức định giá (x) Chất lượng còn lại thực tế của tài sản tại thời điểm định giá*".

Ngoài ra, đối với công cụ dụng cụ đã phân bổ hết của Công ty tại thời điểm 31/12/2017: Theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 10 Thông tư số 41/2018/TT-BTC: "*Tài sản cố định đã khấu hao thu hồi đủ vốn; công cụ lao động, dụng cụ quản lý đã phân bổ hết giá trị vào chi phí kinh doanh nhưng công ty cổ phần tiếp tục sử dụng phải đánh giá lại để tính vào giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc không thấp hơn 20% giá trị tài sản, công cụ, dụng cụ mua mới*".

Nguyên nhân chênh lệch giá trị:

Do đánh giá lại công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị vào chi phí kinh doanh mà công ty vẫn còn tiếp tục sử dụng nên phải đánh giá lại và theo nguyên tắc không thấp hơn 20% giá trị mua mới.

III. Giá trị lợi thế kinh doanh:

Theo quy định tại điều 31 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP: *Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa gồm giá trị thương hiệu, tiềm năng phát triển.*

1. **Giá trị thương hiệu:** Được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 05 năm, bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty; xây dựng trang thông tin điện tử (website) của doanh nghiệp.

Tại thời lập biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty TNHH MTV Tân Khánh An xác nhận không có các chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty... nên giá trị thương hiệu ghi nhận là 0 đồng.

2. **Giá trị tiềm năng phát triển:** Được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là tiềm năng phát triển của doanh nghiệp được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ như sau:

$$\text{Giá trị tiềm năng phát triển} = \text{Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước bình quân 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \\ \text{Lãi suất của trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \end{array} \right\}$$

Trong đó:

- Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là tổng giá trị thực tế theo sổ kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của doanh nghiệp cổ phần hóa sau khi đã trừ các khoản nợ phải trả, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có) và không bao gồm số dư khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định này.

- Vốn nhà nước được xác định bao gồm số dư: Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu - tài khoản 411; Quỹ đầu tư phát triển - tài khoản 414 và Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản - tài khoản 441 theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán doanh nghiệp. Việc xác định vốn nhà nước của các doanh nghiệp cổ phần hóa là các tổ chức tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế xác định như sau:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước bình quân 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế bình quân 5 năm liền kề trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp}}{\text{Vốn nhà nước theo sổ kế toán bình quân 5 năm liền kề trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp}} \times 100\%$$

Vốn nhà nước theo sổ kế toán bình quân 05 năm được xác định bằng tổng số vốn nhà nước bình quân hàng năm chia (:) cho 05. Số vốn nhà nước bình quân hàng năm được xác định trên cơ sở số vốn nhà nước đầu năm cộng với số vốn nhà nước cuối năm chia (:) cho 02.

Theo Quyết định 52/QĐ-HĐTV ngày 10/05/2017 của Tổng Công ty Khánh Việt về việc thành lập

nhà máy Thuốc lá Khatoco Nghệ An, Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt – Công ty TNHH MTV, để tách hoạt động sản xuất thuốc lá điều từ Công ty TNHH MTV Tân Khánh An theo đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Tổng công ty Khánh Việt”, thời gian bắt đầu hoạt động kể từ ngày 01/7/2017. Do vậy, việc tính toán giá trị tiềm năng phát triển của doanh nghiệp, SACC chỉ tính toán trên phần lợi nhuận của sản xuất bao bì theo bảng phân phối lại lợi nhuận do Công ty TNHH MTV Tân Khánh An lập (Đính kèm theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp).

Giá trị tiềm năng phát triển doanh nghiệp như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
01	Lợi nhuận sau thuế	2.957.969.181	3.796.853.807	4.574.307.267	4.781.113.306	7.325.658.173
02	Vốn nhà nước bình quân theo sổ sách kế toán	38.076.406.510	40.014.194.011	39.007.097.006	38.000.000.000	38.000.000.000
2.1	Vốn nhà nước đầu năm theo sổ sách kế toán	36.138.619.008	40.014.194.011	40.014.194.011	38.000.000.000	38.000.000.000
2.2	Vốn nhà nước cuối năm theo sổ sách kế toán	40.014.194.011	40.014.194.011	38.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000
03	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn nhà nước bình quân 5 năm					12,14%
04	Lãi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm	Căn cứ lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đợt 236.2017, của Kho bạc NN phát hành ngày 07/12/2017 (Nguồn: https://www.hnx.vn/traai-phieu/ket-qua-dau-thau.html)				4,52%
05	Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2017					38.000.000.000
	Giá trị tiềm năng phát triển					2.894.388.011

3. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp:

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục	Giá trị
01	Giá trị thương hiệu	0
02	Giá trị tiềm năng phát triển	2.894.388.011
	Tổng cộng	2.894.388.011

B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DỪNG:

Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty TNHH MTV Tân Khánh An không có các tài sản không cần dùng.

C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ:

Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty TNHH MTV Tân Khánh An có các tài sản chờ thanh lý là các máy móc thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách kế toán là **0 đồng**, SACC xác định lại theo số liệu trên sổ sách kế toán (Chi tiết xem phụ lục 02 đính kèm).

Theo quy định tại khoản 2 điều 14 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP: “Đối với những tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý, doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm chủ động xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành về thanh lý, nhượng bán tài sản. Đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp các tài sản chưa xử lý, ngoại trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện chuyển giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật. Giá trị còn lại theo sổ sách của các tài sản này phải hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.”

D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI:

Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty TNHH MTV Tân Khánh An có tài sản hình thành từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi là Nhà thi đấu cầu lông có giá trị còn lại theo sổ sách là **132.891.590 đồng**, do tài sản này không dùng trong sản xuất, kinh doanh nên SACC không đánh giá lại và ghi nhận theo số liệu trên sổ sách kế toán (Chi tiết xem phụ lục 01 đính kèm).

Theo quy định tại khoản 4, 5 điều 14 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP:

“Đối với công trình phúc lợi là nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần.

Đối với nhà ở cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý.

Đối với tài sản dùng trong sản xuất, kinh doanh được đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp cổ phần hóa nếu có đầy đủ hồ sơ chứng từ sẽ được đánh giá lại và tính vào giá trị doanh nghiệp để công ty cổ phần tiếp tục sử dụng trong sản xuất, kinh doanh.”

E. NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Số liệu sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	NỢ NGẮN HẠN	51.037.890.078	51.037.890.078	0
I	Phải trả người bán ngắn hạn	2.154.502.040	2.154.502.040	0
II	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	36.850.000	36.850.000	0

STT	Khoản mục	Số liệu sổ sách	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
III	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	307.399.521	307.399.521	0
IV	Phải trả người lao động	7.654.618.117	7.654.618.117	0
V	Phải trả ngắn hạn khác	17.964.792.478	17.964.792.478	0
VI	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.679.551.350	9.679.551.350	0
VII	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.240.176.572	13.240.176.572	0
01	Số dư quỹ khen thưởng	1.832.863.645	1.832.863.645	0
02	Số dư quỹ phúc lợi	11.274.421.337	11.274.421.337	0
03	Quỹ Phúc lợi đã hình thành TSCĐ	132.891.590	132.891.590	0
B	NỢ DÀI HẠN	0	0	0
	TỔNG CỘNG	51.037.890.078	51.037.890.078	0

Sau khi định giá lại các khoản phải trả, các khoản mục này không làm tăng/giảm giá trị của doanh nghiệp (Chi tiết phụ lục 07 đính kèm).

➤ **Phương pháp tính:**

Theo quy định tại điều 16 Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

“1. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận toàn bộ các khoản nợ phải trả các tổ chức, cá nhân (bao gồm các khoản nợ đến hạn và chưa đến hạn) trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

Trường hợp đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa mà vẫn còn một số khoản nợ phải trả có đầy đủ hồ sơ nhưng chưa được đối chiếu, xác nhận thì Chủ tịch công ty, Hội đồng thành viên doanh nghiệp cổ phần hóa phải giải trình rõ nội dung các khoản nợ, xác định rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan phải hoàn tất việc đối chiếu công nợ trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định theo giá trị đang theo dõi trên sổ sách kế toán; đồng thời phải công bố công khai trong quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp cũng như phương án cổ phần hóa làm cơ sở bán đấu giá cổ phần.

Tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, khi lập báo cáo tài chính để bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần, nếu các khoản công nợ này đã làm đủ thủ tục đối chiếu nợ nhưng không xác nhận được chủ nợ thì được hạch toán ghi tăng vốn nhà nước giá trị nợ phải trả nhưng không có chủ nợ xác nhận. Công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tiếp tục kế thừa, theo dõi để thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi có yêu cầu của chủ nợ và hạch toán khoản chi trả nợ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

2. Doanh nghiệp cổ phần hóa phải huy động các nguồn vốn hợp pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn phải trả trước khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc thỏa thuận bằng văn bản với các chủ nợ để xử lý trong đó có việc chuyển nợ phải trả thành vốn góp cổ phần.

Việc chuyển nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thành vốn góp cổ phần phải được quy định trong phương án cổ phần hóa, công khai trong bản cáo bạch bán cổ phần lần đầu và được thực hiện thông qua kết quả đấu giá thành công của chủ nợ. Theo đó chủ nợ tham gia mua cổ phần tại cuộc bán đấu giá công khai cổ phần lần đầu ra công chúng và quy đổi số lượng cổ phần tương ứng với số nợ theo kết quả đấu giá thành công của chủ nợ.

3. Nợ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước:

a) Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm nộp thuế và các khoản nợ ngân sách nhà nước trước khi chuyển đổi;

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước thì công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa toàn bộ các khoản nợ.

4. Trong quá trình thực hiện cổ phần hóa, nếu doanh nghiệp có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ vay quá hạn của các tổ chức tín dụng (bao gồm cả Ngân hàng Phát triển Việt Nam) do kinh doanh thua lỗ thì xử lý nợ theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng."

Căn cứ hồ sơ, biên bản đối chiếu công nợ của các khoản nợ phải trả của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An đến thời điểm lập Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, SACC đã thực hiện đối chiếu, xác nhận với tỷ lệ đã đối chiếu công nợ là 100%.

❖ Số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi:

Tại thời điểm 31/12/2017 Công ty TNHH MTV Tân Khánh An có số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi là:

- Quỹ khen thưởng: 1.832.863.645 đồng
- Quỹ phúc lợi: 11.274.421.337 đồng

Theo quy định tại điều 19 Nghị định 126/2017/NĐ-CP:

"Số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng để bù đắp các khoản đã chi vượt chế độ cho người lao động (nếu có), chỉ cho người lao động theo chế độ quy định đối với doanh nghiệp nhà nước, phần còn lại chia cho người lao động đang làm việc ở doanh nghiệp theo số tháng công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa. Việc chi số dư bằng tiền của Quỹ khen thưởng cho người lao động được thực hiện xong trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần.

Số dư bằng tiền của Quỹ phúc lợi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng để bù đắp các khoản đã chi vượt chế độ cho người lao động (nếu có), chỉ cho người lao động theo chế độ quy định đối với doanh nghiệp cổ phần hóa, phần còn lại chia cho người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên đang làm việc ở doanh nghiệp theo số tháng công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa. Việc chi số dư bằng tiền của Quỹ phúc lợi cho người lao động, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên được thực hiện xong trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần."

Công ty TNHH MTV Tân Khánh An cam kết sẽ phối hợp với Tổ chức Công đoàn công ty thực hiện phân chia số dư bằng tiền của Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi theo quy định.

❖ KẾT LUẬN

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Tân Khánh An tại thời điểm 31/12/2017 theo phương pháp tài sản như sau:

Tổng Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **109.522.895.480 đồng.**

Tổng Giá trị thực tế vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp là: **58.617.896.992 đồng.**

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4=3-2)
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A + B + C + D)	89.037.890.078	109.655.787.070	20.617.896.992
<i>Trong đó:</i>			-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (A)	88.904.998.488	109.522.895.480	20.617.896.992
E1. Nợ thực tế phải trả	51.037.890.078	51.037.890.078	-
<i>Trong đó:</i>			
E1a. Nợ phải trả	37.797.713.506	37.797.713.506	-
E1b. Số dư Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.107.284.982	13.107.284.982	-
E1c. Quỹ Phúc lợi đã hình thành TSCĐ	132.891.590	132.891.590	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A-(E1a+E1b+E2)]	38.000.000.000	58.617.896.992	20.617.896.992

PHẦN II: XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG PHÁP TỶ SỐ GIÁ TRÊN GIÁ TRỊ SỐ SÁCH BÌNH QUÂN (P/B):

1. Phương pháp luận và phương pháp tính:

a. Phương pháp luận:

Phương pháp $\frac{P}{B}$ ước tính giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua tỷ số thị trường trung bình của các doanh nghiệp so sánh.

b. Phương pháp tính:

Giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá theo tỷ số thị trường $\frac{P}{B}$:

Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá = Giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá gần nhất thời điểm thẩm định giá $\times \frac{P}{B}$ bình quân của các doanh nghiệp so sánh

2. Xác định tỷ số thị trường được sử dụng để ước tính giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá:

SACC lựa chọn các doanh nghiệp so sánh tương tự về các yếu tố: Ngành nghề kinh doanh chính, quy mô của doanh nghiệp, khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp lựa chọn có các thông số thể hiện như sau:

Stt	Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá thị trường tại 31/12/2017	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2017	Doanh thu thuần 4 quý	Số CP đang lưu hành	BV	P/B
01	BPC	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	12.600	103.342.253.956	354.619.616.748	6.000.000	17.224	0,73
02	BXH	Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	11.600	57.241.706.169	181.253.007.937	3.012.040	19.004	0,61
03	HBD	Công ty cổ phần Bao bì PP Bình Dương	13.300	24.254.611.987	4.550.334.278	1.535.000	15.801	0,84
04	PMP	Công ty Cổ phần Bao bì Dạm Phú Mỹ	18.500	65.911.017.831	396.110.699.069	4.200.000	15.693	1,18
05	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	16.800	53.874.400.009	187.021.567.812	4.081.249	13.200	1,27
06	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vĩnh	26.200	104.449.360.637	763.387.210.110	7.499.960	13.927	1,88

Kết luận: P/B bình quân của các doanh nghiệp so sánh là: **1,09**

3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp P/B như sau:

Đvt: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
01	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu tại DN	38.000.000.000	41.420.000.000	3.420.000.000
02	Nợ phải trả	51.037.890.078	51.037.890.078	-
03	Tổng giá trị tài sản của DN	89.037.890.078	92.457.890.078	3.420.000.000

PHẦN IV: KẾT LUẬN:

- **Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Tân Khánh An tại thời điểm 31/12/2017 theo phương pháp tài sản như sau:**

Tổng Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **109.522.895.480 đồng.**

Tổng Giá trị thực tế vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp là: **58.617.896.992 đồng.**

- **Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Tân Khánh An tại thời điểm 31/12/2017 theo phương pháp P/B như sau:**

Tổng Giá trị thực tế của doanh nghiệp: **92.457.890.078 đồng.**

Tổng Giá trị thực tế vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp là: **41.420.000.000 đồng.**

PHẦN III: NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ HẠN CHẾ:

- Căn cứ vào kết quả xác định giá trị doanh nghiệp đối với 2 phương pháp trên, SACC kiến nghị chọn phương pháp tài sản làm cơ sở tính toán giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.
- Kết quả thẩm định giá trên chỉ phục vụ cho mục đích xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An.
- Công ty TNHH MTV Tân Khánh An chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu cung cấp cho đơn vị tư vấn thực hiện việc Xác định giá trị Doanh nghiệp cho mục đích Cổ phần hóa Doanh nghiệp.
- Kết quả thẩm định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản được xác định dựa vào điều kiện thực tế của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An tính đến ngày 31/12/2017.
- Đối với số dư bằng tiền Quỹ khen thưởng và phúc lợi Công ty TNHH MTV Tân Khánh An thực hiện phân chia xong trước thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần theo quy định hiện hành.

- Đối với quyền sử dụng 19.875,6m² đất tại thửa đất số 23 tờ bản đồ số 15, đường D2, KCN Bắc Vinh, xã Hưng Đông, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An, SACC căn cứ tờ trình phương án sử dụng đất số 08/PASDD.TKA ngày 05/03/2018 của Công ty TNHH MTV Tân Khánh An trình UBND tỉnh Nghệ An, sau khi cổ phần hóa công ty tiếp tục thuê lại diện tích đất trên theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm, do đó theo quy định tại khoản 2 điều 30 Nghị định 126/2017/NĐ-CP đối với diện tích đất thuê trả tiền hàng năm theo phương án sử dụng đất không tính vào giá trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp thực hiện quản lý và sử dụng đất theo đúng mục đích, đúng phương án sử dụng của toàn bộ diện tích đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai.

Biên bản được thông qua vào ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Công ty TNHH MTV Tân Khánh An và được lập thành 06 bản đóng trong 06 bộ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bộ, các bộ còn lại gửi thành viên Ban chỉ đạo xem xét và thẩm định.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV TÂN KHÁNH AN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN DUY MÃO



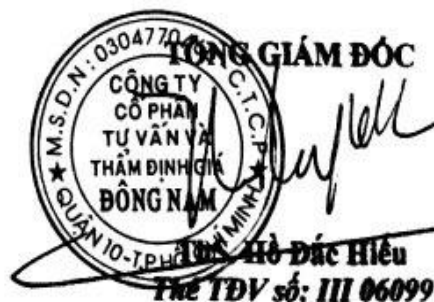
PHẠM VĂN BÌNH

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỊNH GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ ĐÔNG NAM

THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ

Phạm Hữu Hiền
Thẻ TDV số: IX14.1114



Hồ Đức Hiếu
Thẻ TDV số: III 06099

Kết quả thẩm định giá được thực hiện tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức, trình độ chuyên môn nghề nghiệp và kinh nghiệm cùng với hệ thống quản lý chất lượng theo phương châm 3C: "Chất lượng - Chuyên nghiệp - Chính xác"

MỤC LỤC

Pháp lý thẩm định giá:	1
THÀNH PHẦN THAM GIA.....	2
PHẦN I: XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG PHÁP TÀI SẢN:.....	3
❖ KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG PHÁP TÀI SẢN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017:.....	3
❖ PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ NGUYÊN NHÂN TĂNG GIẢM:	5
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG:.....	5
I. Tài sản cố định:.....	5
1. Tài sản cố định hữu hình:.....	5
II. Tài sản ngắn hạn:	7
1. Tiền và các khoản tương đương tiền.....	7
2. Các khoản phải thu:	8
3. Hàng tồn kho:.....	9
4. Tài sản ngắn hạn khác:.....	10
III. Giá trị lợi thế kinh doanh:.....	10
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG:.....	13
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ:	13
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI:	13
E. NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ:.....	13
❖ Số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi:.....	15
❖ KẾT LUẬN	16
PHẦN II: XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG PHÁP TỶ SỐ GIÁ TRÊN GIÁ TRỊ SỔ SÁCH BÌNH QUÂN (P/B):	17
1. Phương pháp luận và phương pháp tính:	17
a. Phương pháp luận:	17
b. Phương pháp tính:	17
2. Xác định tỷ số thị trường được sử dụng để ước tính giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá: 17	
3. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp P/B như sau:.....	18
PHẦN IV: KẾT LUẬN:	18
PHẦN III: NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VÀ HẠN CHẾ:	18
MỤC LỤC	20